

Số: 321/KHGD-TH&THCSĐT

Cô Tô, ngày 22 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2026-2027

*(Kèm theo Quyết định số 266/QĐ-TH&THCSĐT ngày 19 tháng 8 năm 2026
của trường TH&THCS Đồng Tiến)*

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027; Thông báo số 406-TB/TU ngày 12/8/2026 của Thường trực Tỉnh ủy về tình hình thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027.

Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (và các Thông tư sửa đổi, bổ sung: số 20/2021/TT-BGDĐT, 13/2022/TT-BGDĐT, 17/2025/TT-BGDĐT); Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 và Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh tiểu học; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT.

Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh về triển khai tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với GDPT; Công văn số 504/SGDĐT-GDPT ngày 10/02/2026 và Công văn số 620/SGDĐT-GDPT ngày 25/02/2026 của Sở GDĐT về tăng cường công tác quản lý, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

Công văn số 2728/SGDĐT-GDPT ngày 20/8/2026 của Sở GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027; Công văn số 3161/SGDĐT-GDPT ngày 21/9/2026 của Sở GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học năm học 2026-2027.

Các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT về triển khai giáo dục STEM, Năng lực số, Trí tuệ nhân tạo (AI), học bạ số, và các chính sách hỗ trợ học sinh (Nghị quyết 93/2025/NQ-HĐND, Nghị quyết 86/2025/NQ-HĐND).

Trường TH&THCS Đồng Tiến xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường học năm học 2026-2027 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2026 - 2027

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Đặc khu Cô Tô là huyện đảo tiền tiêu phía Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh, có vị trí chiến lược trọng yếu về quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển đảo. Nền kinh tế địa phương phát triển mạnh theo hướng kinh tế biển với mũi nhọn là du lịch, dịch vụ sinh thái và khai thác, nuôi trồng thủy hải sản. Đời sống văn hóa, xã hội mang đậm nét đặc trưng của cư dân vùng biển với tinh thần đoàn kết, mến khách và ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia. Mặc dù cơ sở hạ tầng đôi lúc chịu ảnh hưởng bởi thời tiết khắc nghiệt mùa mưa bão, nhưng đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, an ninh trật tự luôn được giữ vững. Đặc biệt, sự quan tâm sát sao của các cấp chính quyền cùng nhận thức ngày càng cao của nhân dân về công tác giáo dục chính là nền tảng thuận lợi để nhà trường triển khai hiệu quả các nhiệm vụ năm học.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2026 - 2027

2.1. Đặc điểm học sinh

***. Cấp TH:** tổng số học sinh 141 em (10 lớp)

+ Điểm trường Hồng Vân: 96 em

+ Điểm trường Đồng Tiến: 45 em

Cụ thể:

Khối lớp	Số lớp, số học sinh						
	Số lớp	Số học sinh					
		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	HS học 2 buổi/ngày	Tỷ lệ HS/Lớp
1	02	33	19	0	0	33	16.5
2	02	25	19	1(nữ)	0	25	12.5
3	02	21	9	0	0	21	10.5
4	02	27	12	1(nam)	02 (01 nữ)	27	13.5
5	02	35	16	02 (1nữ)	0	35	17.5
Tổng	10	141	72	4	02 (01 nữ)	141	14.1

* **Cấp THCS:** tổng số học sinh 136 em (04 lớp),

Khối lớp	Số lớp, số học sinh						
	Số lớp	Số học sinh					
		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	HS học 2 buổi/ ngày	Tỷ lệ HS/ Lớp
6	01	34	19	0	1 (nữ)	34	34
7	01	33	16	0	0	33	33
8	01	31	14	01 (nữ)	0	31	31
9	01	38	19	01 (nữ)	02 (01 nữ)	38	38
Tổng	04	136	68	02	03 (02 nữ)	136	34

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Cơ cấu	Số lượng			Trình độ CM			Chuẩn nghề nghiệp	
	Nam	Nữ	Tổng	ĐH	CĐ	TC	Tốt	Khá
Cán bộ quản lý	03	01	04	04	0	0	1	3
Giáo viên	08	17	25	25	0	0	5	20
TPT Đội (01 K.nhiệm)	0	0	0	0	0	0		
Thiết bị	01	0	01	0	01	0		
Thư viện	0	01	01	01	0	0		
Văn thư	01	01	02	0	01	01		
Y Tế học đường	01	01	02	0	01	01		
Kế toán	0	01	01	01	0	0		
Bảo vệ	02	01	03	0	0	0		
Phục vụ	0	0	0	0	0	0		
Tổng cộng	16	23	39	31	03	02	6	23

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Trường TH&THCS Đồng Tiến quản lý và sử dụng cơ sở vật chất tại trường chính Hồng Vân (Trường chính), phân hiệu Đồng Tiến 1 và điểm trường Đồng Tiến 2, trong đó điều kiện cơ sở vật chất giữa các điểm trường còn chưa đồng đều, khoảng cách đi lại giữa 2 điểm xa nhau khoảng 6 km.

a) Cơ sở vật chất tại Hồng Vân (Trường chính)) và điểm trường Đồng Tiến 2 (Bậc Tiểu học)

Trường chính Hồng Vân và điểm trường Đồng Tiến 2 được xây dựng và đầu tư tương đối đồng bộ, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3, là 2 điểm trường có điều kiện cơ sở vật chất tốt hơn trong toàn trường sau sáp nhập. Trong đó số phòng:

- Phòng học: 10 phòng
- Phòng bộ môn: 12 phòng (02 phòng Tin học; 02 phòng Âm nhạc; 02 phòng Mỹ thuật; 02 phòng Tiếng Anh; 02 phòng khoa học - công nghệ; 02 phòng đa chức năng - STEM)
- Có đủ các phòng hành chính quản trị, phục vụ học tập (Thư viện, thiết bị, văn phòng, phòng họp, y tế, tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh khuyết tật...)
- Nhà đa năng: 01 nhà.
- Bàn ghế, đồ dùng dạy học được trang bị đầy đủ hiện đại

b) Cơ sở vật chất tại phân hiệu Đồng Tiến 1 (bậc THCS)

- Phòng học thông thường 04 phòng: Phòng học số 1 lớp 6; phòng học số 2 lớp 7; phòng học số 3 lớp 8, phòng học số 4 lớp 9;
- Phòng học bộ môn 07 phòng (phòng Tin học, phòng KHTN, phòng Tiếng Anh, phòng Mỹ Thuật, phòng Âm Nhạc, phòng STem, phòng KHXX).
- Phòng chức năng: phòng Hiệu trưởng, phòng phó Hiệu trưởng, phòng hành chính, phòng Kế toán, phòng y tế, phòng Đoàn - Đội, phòng thư viện, phòng đọc giáo viên-học sinh, phòng Hội trường, phòng Truyền thống, phòng 02 tổ chuyên môn, phòng Tư vấn tâm lý.

Nhìn chung, cơ sở vật chất tại phân hiệu Đồng Tiến đáp ứng ở mức cơ bản cho hoạt động dạy học; một số phòng học bộ môn phải sử dụng theo hình thức phòng học ghép, trang thiết bị chưa đồng bộ, ảnh hưởng nhất định đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

c) Thiết bị dạy học

Nhà trường được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với cả hai cấp học.

Thiết bị dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 cơ bản được cấp phát đầy đủ; tuy nhiên, tại điểm trường Hải Tiến, một số thiết bị còn thiếu, chưa đồng bộ, cần tiếp tục được bổ sung trong thời gian tới.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2026-2027

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm chất lượng giáo dục thực chất gắn với chủ đề năm học: Bám sát phương châm “Đổi mới tư duy - Chuyển biến mạnh mẽ - Kết quả thực chất”. Phát huy tối đa tính linh hoạt, tự chủ của nhà trường để tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng giảm tải, tăng tính mở, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của địa phương. Chú trọng nâng cao chất lượng và tỷ lệ dạy học 2 buổi/ngày, đặc biệt ưu tiên củng cố kiến thức cho học sinh vùng hải đảo.

Trang bị kỹ năng sinh tồn và giáo dục chủ quyền biển đảo: Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, gắn kết chặt chẽ giáo dục thể chất với y tế trường học. Do đặc thù môi trường bao quanh là biển, nhà trường ưu tiên hàng đầu việc lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng, chống đuối nước, dạy bơi an toàn và thực hành kỹ năng tự bảo vệ, xử lý tình huống trong môi trường nước. Tích hợp sâu sắc nội dung bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo cùng hệ giá trị lịch sử, văn hóa con người Quảng Ninh vào các môn học.

Đột phá về năng lực số và công nghệ: Thúc đẩy mạnh mẽ giáo dục STEM/STEAM, phát triển năng lực số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) an toàn, có trách nhiệm cho cả giáo viên và học sinh. Chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, từng bước hình thành văn hóa quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu, minh chứng; triển khai đồng bộ hồ sơ điện tử, học bạ số và nền tảng "Bình dân học vụ số".

Bảo đảm công bằng và duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục: Củng cố vững chắc chất lượng phổ cập giáo dục bắt buộc cấp tiểu học và trung học cơ sở. Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ đối với học sinh vùng hải đảo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn để tháo gỡ rào cản về kinh tế, khoảng cách địa lý; bảo đảm duy trì sĩ số và không để bất kỳ học sinh nào bị gián đoạn học tập.

2. Chỉ tiêu cụ thể: Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học đối với từng khối lớp; số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học.

- Công tác duy trì sĩ số: $277/277 = 100\%$.

- Công tác kiểm định và trường chuẩn Quốc gia:

+ Tiếp tục duy trì trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

2.1. Đối với bậc tiểu học

* Các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Các môn học và hoạt động giáo dục	HTT		HT		CHT		TS HS
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	
1	Tiếng Việt	63	44,6%	64	45,4%	14	10%	141
2	Toán	64	45,4%	63	44,6%	14	10%	141
3	TNXH	42	53,2%	34	43,0%	3	3,8%	79
4	Đạo đức	75	53,2%	64	45,4%	2	1,4%	141
5	Âm nhạc	74	52,5%	65	46,1%	2	1,4%	141
6	Mĩ thuật	72	51,1%	67	47,5%	2	1,4%	141
7	HĐTN	74	52,5%	67	47,5%	0	0%	141
8	GĐTC	76	53,9%	65	46,1%	0	0%	141
9	Tin học	40	48,2%	40	48,2%	3	3,6%	83
10	Công nghệ	40	48,2%	40	48,2%	3	3,6%	83
11	Ngoại ngữ	66	47,0%	70	49,4%	5	3,6%	141
12	Khoa học	30	48,4%	30	48,4%	2	3,2%	62
13	LS-ĐL	29	46,8%	31	50,0%	2	3,2%	62
* Năng lực								
Năng lực		Tốt		Đạt		CCG		Tổng
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	
Tự chủ và tự học		82	58,2%	55	39,0%	4	2,8%	141
Giao tiếp và hợp tác		85	60,3%	52	36,9%	4	2,8%	141
Giải quyết vấn đề và sáng tạo		78	55,3%	58	41,1%	5	3,5%	141
Ngôn ngữ		76	53,9%	60	42,6%	5	3,5%	141
Tính toán		74	52,5%	62	44,0%	5	3,5%	141
Tin học		72	51,1%	64	45,4%	5	3,5%	141
Thể chất		88	62,4%	53	37,6%	0	0%	141
Thẩm mỹ		87	61,7%	51	36,2%	2	1,4%	141
Công nghệ		73	51,8%	63	44,7%	5	3,5%	141
Khoa học		70	49,6%	66	46,8%	5	3,5%	141

*. Phẩm chất							
PC	Tốt		Đạt		CCG		Tổng
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	
Yêu nước	82	58,2%	58	41,8%	0	0%	141
Nhân ái	85	60,3%	56	39,7%	0	0%	141
Chăm chỉ	78	55,3%	62	44,0%	1	0,7%	141
Trung thực	87	61,7%	52	36,9%	1	0,7%	141
Trách nhiệm	81	57,4%	59	41,8%	1	0,7%	141

Về chất lượng giáo dục: Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 90% trở lên; Tỉ lệ học sinh phải rèn luyện trong hè đạt 10%. Tỉ lệ học sinh hoàn thành CTTH đạt 95% trở lên; Tỷ lệ học sinh được khen thưởng đạt 35% trở lên, trong đó học sinh Xuất sắc đạt 15%, Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện đạt 20%.

2.2. Đối với bậc THCS

*** Kết quả rèn luyện:**

Khối lớp	TS học sinh	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	
6	34	20	58.82	11	32.36	1	2.94	2	5.88	
7	33	20	60.60	10	30.30	1	3.03	2	6.07	
8	31	19	61.30	8	25.81	2	6.45	2	6.45	
9	38	21	55.26	13	31.58	2	7.90	2	5.26	
Cộng	136	80	58.82	42	30.88	6	4.42	8	5.88	

*** Kết quả học tập:**

Khối lớp	TS học sinh	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	
6	34	3	8.82	11	32.36	18	52.94	2	5.88	
7	33	3	9.09	11	33.32	17	51.52	2	6.07	

8	31	3	9.68	11	35.48	15	48.39	2	6.45	
9	38	3	7.90	14	36.84	19	50.00	2	5.26	
Cộng	136	12	8.82	47	34.56	69	50.74	8	5.88	

*** Chuyển lớp, Công nhận hoàn thành chương trình giáo dục THCS:**

- Chuyển lớp: $128/136 = 94,11\%$.

- Công nhận hoàn thành chương trình giáo dục THCS (lớp 9): $36/38 = 94.74\%$.

- Học sinh được Công nhận hoàn thành chương trình giáo dục THCS tiếp tục phân luồng tham gia thi và đăng ký học tại trường THPT Cô Tô, Trung tâm GDNN&GDTX đạt 100% .

*** Học sinh giỏi văn hoá, văn nghệ, TDTT và các hội thi khác**

- Do đặc khu tổ chức: đạt 05 giải trở lên.

- Cấp tỉnh đạt 01 giải trở lên

2.3. Tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày đối với các khối lớp từ 1-9

2.3.1. Tổ chức củng cố, bồi dưỡng HS; STEM/STEAM; năng lực số/ kỹ năng số, AI; Nội dung khác từ khối lớp 1-5 (theo phụ công văn số 3161 /SGDDT-GDPT ngày 21 /9/2026 của Sở GDĐT)

+ Củng cố, bồi dưỡng: 100% học sinh chưa hoàn thành yêu cầu được giáo viên lập kế hoạch phụ đạo, bồi dưỡng ngay trong các tiết học buổi 2; không để học sinh bị hổng kiến thức kéo dài. (có kế hoạch kèm theo)

+ STEM/STEAM: Phân đầu 100% các khối lớp thực hiện tối thiểu 01 chủ đề STEM/học kỳ; sử dụng tối đa hiệu quả phòng thực hành STEM/Đa chức năng của nhà trường. (có phụ lục kèm theo)

+ Năng lực số và AI: Triển khai nội dung cốt lõi giáo dục Trí tuệ nhân tạo (AI) 12 tiết/lớp/năm học; lồng ghép kỹ năng an toàn trên không gian mạng vào các tiết Tin học và Sinh hoạt lớp. (có kế hoạch kèm theo)

+ Nội dung khác: Triển khai giảng dạy Tiếng Anh tự chọn (lớp 1, 2) với thời lượng 2 tiết/tuần; 100% học sinh được tham gia các tiết đọc thư viện và giáo dục kỹ năng phòng chống đuối nước và tham gia các hoạt động tập thể.

2.3.2. Tổ chức phụ đạo HS chưa đạt; tổ chức STEM/STEAM; năng lực số/ kỹ năng số, AI và các hoạt động câu lạc bộ cho HS từ khối lớp 6-8 (theo phụ công văn số 504 /SGDDT-GDPT ngày 10 /02/2026 của Sở GDĐT)

+ Phụ đạo và bồi dưỡng: Lên lịch phụ đạo ít nhất 2 tiết/tuần đối với các môn cho nhóm học sinh có kết quả học tập chưa đạt;

+ STEM/STEAM, Năng lực số và AI: Triển khai nội dung cốt lõi giáo dục Trí tuệ nhân tạo (AI) 12 tiết/lớp/năm học; đảm bảo mỗi học kỳ các tổ chuyên môn thực

hiện ít nhất 02 bài học/chủ đề STEM gắn với thực tiễn. *(có phụ lục, kế hoạch kèm theo)*

+ Hoạt động câu lạc bộ: Thành lập và duy trì sinh hoạt định kỳ (1-2 buổi/tháng) các câu lạc bộ: Tiếng Anh (English Club), Câu lạc bộ bóng bàn, Câu lạc bộ cờ vua; Câu lạc bộ Mỹ thuật; để phát triển toàn diện thể chất và kỹ năng. *(Có kế hoạch CLB kèm theo)*

2.3.3. Tổ chức phụ đạo HS chưa đạt; Ôn thi tuyển sinh lớp 10; Bồi dưỡng HSG; tổ chức STEM/STEAM; năng lực số/ kỹ năng số, AI và các hoạt động câu lạc bộ cho HS khối lớp 9 (theo phụ công văn số 504 /SGDDT-GDPT ngày 10 /02/2026 của Sở GDĐT)

+ Ôn thi tuyển sinh lớp 10: Tăng cường thời lượng ôn thi vào lớp 10 ở buổi 2 đối với 3 môn Toán, Ngữ văn, ngay từ đầu học kỳ I. Mục tiêu 100% học sinh được công nhận hoàn thành giáo dục THCS tham gia phân luồng vào THPT hoặc Trung tâm GDNN&GDTX.

+ Bồi dưỡng HSG: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng trọng điểm, phấn đấu đạt ít nhất đạt 03 giải học sinh giỏi cấp đặc khu và 01 giải cấp tỉnh. *(có kế hoạch kèm theo)*

+ Phụ đạo và bồi dưỡng: Lên lịch phụ đạo ít nhất 2 tiết/tuần đối với các môn cho nhóm học sinh có kết quả học tập chưa đạt *(có kế hoạch kèm theo)*

+ STEM/STEAM, Năng lực số và AI: Hoàn thành 12 tiết giáo dục AI; đảm bảo mỗi học kỳ các tổ chuyên môn thực hiện ít nhất 02 bài học/chủ đề STEM gắn với thực tiễn*(có phụ lục, kế hoạch kèm theo)*

+ Hoạt động câu lạc bộ: Thành lập và duy trì sinh hoạt định kỳ (1-2 buổi/tháng) các câu lạc bộ: Tiếng Anh (English Club), Câu lạc bộ bóng bàn, Câu lạc bộ cờ vua; Câu lạc bộ Mỹ thuật; câu lạc bộ Tin học để phát triển toàn diện thể chất và kỹ năng. *(Có kế hoạch CLB kèm theo)*

2.4. Tổ chức hoạt động trải nghiệm Stem toàn trường cho HS từ khối 1 đến khối 9 với các hoạt động như:

+ Tiểu học: Xuân 4.0 gắn kết - Vui đón Tết.

+ THCS: Chợ tết 4.0 - từ gian hàng truyền thống đến kỷ nguyên số; Chế tạo hệ thống tưới nhỏ giọt tự động cho cây trồng.

2.5. Tổ chức các chuyên đề trong năm học:

+ Chuyên đề 1: Sáng tạo sản phẩm số cùng trí tuệ nhân tạo (AI) dành cho học sinh lớp 8 (Tháng 02/2027).

+ Chuyên đề 2: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong tổ chức hoạt động dạy học môn Lịch sử và Địa lý lớp 4 (Tháng 01/2027).

+ Chuyên đề 3: Tích hợp AI trong dạy học môn Tiếng Việt 1 nhằm khơi dậy hứng thú, phát triển năng lực học sinh (Tháng 03/2027).

+ Chuyên đề 4: Tích hợp AI trong môn Ngữ văn 9, góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực (Tháng 3/2027).

IV. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong năm học 2026-2027

1. Xác định môn học lựa chọn, chuyên đề học tập lựa chọn, môn học tự chọn

Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn đối với khối lớp 1, lớp 2 (thời lượng 02 tiết/tuần).

2. Xây dựng và ban hành Quyết định khung thời gian kế hoạch giáo dục (Phân phối chương trình)

Thực hiện Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; cụ thể như sau:

1. Tựu trường ngày **29/8/2026**. Riêng lớp 1, lớp 9 tựu trường ngày **24/8/2026**.
2. Tổ chức khai giảng vào ngày **05/9/2026**.
3. Thời gian thực học đảm bảo 35 tuần (học kỳ I có 18 tuần, học kỳ II có 17 tuần) . Ngày bắt đầu và ngày kết thúc học kỳ I, học kỳ II và ngày kết thúc năm học như sau:

CẤP HỌC	HỌC KỲ I		HỌC KỲ 2		KẾT THÚC NĂM HỌC
	Ngày bắt đầu HK	Ngày kết thúc HK	Ngày bắt đầu HK	Ngày kết thúc HK	
Tiểu học	07/9/2026 (Thứ Hai)	08/01/2027 (Thứ Sáu)	11/01/2027 (Thứ Hai)	21/5/2027 (Thứ Sáu)	28/5/2027 (Thứ Sáu)
THCS (Trừ lớp 9)	07/9/2026 (Thứ Hai)	09/01/2027 (Thứ Bảy)	11/01/2027 (Thứ Hai)	22/5/2027 (Thứ Bảy)	29/5/2027 (Thứ Bảy)
Riêng lớp 9	24/8/2026 (Thứ Hai)	02/01/2027 (Thứ Bảy)	04/01/2027 (Thứ Hai)	15/5/2027 (Thứ Bảy)	29/5/2027 (Thứ Bảy)

4. Các kỳ thi trong năm học:
 - a) Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THCS: **ngày 14/01/2027**.
 - b) Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT: **Dự kiến ngày 20, 21, 22/5/2027**.
 - c) Các kỳ thi khác được tổ chức theo quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và các cơ quan có thẩm quyền.
5. Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học và xét công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở trước ngày **31/5/2027**.
6. Hoàn thành tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2027 - 2028 trước ngày **31/7/2027**
7. Các ngày nghỉ lễ, tết được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn hằng năm.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch thời gian năm học, nhà trường sẽ bố trí lịch dạy học và các hoạt động giáo dục hợp lý; bố trí dạy bù những ngày nghỉ học đảm bảo tính khoa học.

II. Thời khóa biểu hàng ngày

1. Cấp Tiểu học

(Điểm trường Đồng Tiến thực hiện như điểm chính)

TT	Buổi	Tiết	Thời gian ra vào lớp		Ghi chú
			Vào lớp	Ra chơi	
1	Sáng	7 giờ 15' vào lớp, truy bài 15 phút đầu giờ			
2		1	7h 30 phút	8h 05 phút	
3		2	8h 05 phút	8h 40 phút	
4		3	8h 40 phút	9h 15 phút	
5		Hoạt động giữa giờ	9h 15 phút	9 h 40 phút	
6		4	9h 40 phút	10h 15 phút	
1	Chiều	13 giờ 45' vào lớp, truy bài 15 phút đầu giờ			
2		1	14h 00 phút	14h 35 phút	
3		2	14h35 phút	15h 10 phút	
4		Hoạt động giữa giờ	15h10 phút	15h 35 phút	
5		3	15h 35 phút	16h 10 phút	

2. Cấp THCS (điểm Hải Tiến)

TT	Buổi	Tiết	Thời gian ra vào lớp		Ghi chú
			Vào lớp	Ra chơi	
1	Sáng	7 giờ vào lớp, truy bài 15 phút đầu giờ			Ra chơi giữa các tiết: 5 phút
2		1	7h 15 phút	8h 00 phút	
3		2	8h 05 phút	8h 50 phút	Ra chơi giữa giờ: 15 phút
4		Hoạt động giữa giờ	8h 50 phút	9h 05 phút	
5		3	9h 05 phút	9h 50 phút	

6		4	9h 55 phút	10h 40 phút	
1	Chiều	13 giờ 45' vào lớp, truy bài 15 phút đầu giờ			Ra chơi giữa các tiết: 5 phút
2		1	14h 00 phút	14h 45 phút	
3		2	14h 50 phút	15h 35 phút	
4		3	15h 40 phút	16h 25 phút	

***. Quy định thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (buổi 1 và buổi 2);**

2.2. Quy định thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

***. Cấp Tiểu học:** Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày với tỷ lệ 100%. Từ lớp 1 đến lớp 5 thực hiện không quá 32 tiết/tuần; mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học (buổi sáng không quá 4 tiết, buổi chiều không quá 3 tiết), mỗi tiết 35 phút. Buổi 1: tập trung thực hiện Chương trình GDPT; Buổi 2: tập trung củng cố kiến thức, STEM, kỹ năng số, AI, ngoại ngữ, củng cố, bồi dưỡng.

***. Cấp THCS:** Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày với tỷ lệ 100%. Từ lớp 6 đến lớp 9. Lớp 6, 7, 8 thực hiện không quá 35 tiết/tuần; lớp 9 thực hiện không quá 40 tiết/tuần. Mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 45 phút. Buổi 1: tập trung thực hiện Chương trình GDPT; Buổi 2: tập trung bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học chưa đạt, ôn tập vào 10; STEM/STEAM, kỹ năng số, AI và hoạt động các câu lạc bộ.

(Có biểu khung phân phối chương trình kèm theo)

3. Xây dựng, ban hành kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

3.1. Kế hoạch dạy học các môn học

Các Tổ chuyên môn căn cứ Khung thời gian kế hoạch giáo dục của nhà trường, thiết kế Kế hoạch dạy học chi tiết cho từng khối lớp, môn học đảm bảo yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT (Thực hiện theo Phụ lục I và nộp về Ban lãnh đạo nhà trường trước ngày 20/9).

Giáo án/Kế hoạch bài dạy: Giáo viên không phải xây dựng Khung kế hoạch giáo dục cá nhân. Các thông tin về số tiết, thiết bị, địa điểm dạy học được tích hợp trực tiếp vào Kế hoạch bài dạy (Phụ lục IV). Giáo viên lưu Kế hoạch bài dạy công khai dưới dạng hồ sơ điện tử theo quy định.

Tích hợp giáo dục: Các tổ chuyên môn phải lập biểu xác định rõ mục đích, thời lượng, hình thức tích hợp phát triển năng lực số, giáo dục STEM/STEAM và Trí tuệ nhân tạo (AI) (12 tiết cốt lõi/năm) vào các môn học phù hợp; đảm bảo không gây quá tải, không triển khai rời rạc.

Kiểm tra, đánh giá:

Thực hiện đúng Thông tư 27 (Tiểu học) và Thông tư 22 (THCS). Kết hợp linh hoạt đánh giá thường xuyên và định kỳ, chú trọng đánh giá qua sản phẩm, dự án thực hành.

Nhà trường quy định rõ cấu trúc, ma trận, quy trình bảo mật đề thi; cập nhật điểm số đúng thời gian; tránh tình trạng dồn ép bài kiểm tra viết vào một thời điểm. (Các kế hoạch kiểm tra định kỳ: giữa HKI; cuối HKI; giữa HKII và cuối HKII)

Giáo viên bộ môn chủ động điều chỉnh phương án kiểm tra (giảm tải, tăng thời gian, thay đổi hình thức vấn đáp/thực hành) phù hợp với Kế hoạch giáo dục cá nhân của học sinh khuyết tật đang theo học hòa nhập tại trường.

(Có phụ lục I, Phụ lục II của các tổ chuyên môn kèm theo)

3.2. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục

Các Tổ chuyên môn, Tổng phụ trách Đội xây dựng Kế hoạch tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (Thực hiện theo Phụ lục II và nộp về Ban lãnh đạo nhà trường trước ngày 20/9).

Nội dung hoạt động gắn liền với đặc thù biển đảo (giáo dục truyền thống lịch sử Quảng Ninh, bảo vệ môi trường biển), giáo dục kỹ năng sinh tồn (phòng chống đuối nước), văn hóa giao thông và an toàn trên không gian mạng.

(Có phụ lục II của các tổ chuyên môn và kế hoạch các hoạt động giáo dục của nhà trường kèm theo)

V. Giải pháp thực hiện

1. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT và nâng cao chất lượng dạy học 2 buổi/ngày

Duy trì 100% học sinh tiểu học và học sinh cấp THCS được học 2 buổi/ngày (tối thiểu 9 buổi/tuần đối với Tiểu học, không quá 7 tiết/ngày; lớp 6,7,8 thực hiện không quá 35 tiết/tuần; lớp 9 thực hiện không quá 40 tiết/tuần; mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 45 phút;).

Phân định rõ nội dung: Buổi 1 tập trung thực hiện đầy đủ thời lượng các môn học bắt buộc của Chương trình GDPT, tuyệt đối không dồn ép, cắt xén chương trình. Buổi 2 ưu tiên củng cố kiến thức nền tảng, hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu, bồi dưỡng học sinh năng khiếu và triển khai các nội dung giáo dục STEM/STEAM, trí tuệ nhân tạo (AI), kỹ năng số.

Tổ chức hiệu quả các hoạt động chuyển tiếp: Lớp 1 và 2 tập trung củng cố kỹ năng đọc, viết, tính toán; lớp 3 và 4 bồi dưỡng năng lực tự học; lớp 5 chuẩn bị tốt điều kiện chuyển tiếp lên lớp 6; lớp 6 có giải pháp hỗ trợ học sinh thích ứng với môi trường THCS.

2. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và phát triển học liệu số

Thực hiện phương châm "dạy thật, học thật, thi thật, đánh giá thật", đánh giá học sinh trung thực, khách quan theo đúng Thông tư 27 (cấp Tiểu học) và Thông tư 22 (cấp THCS).

Tuyệt đối không chạy theo thành tích, không sử dụng kết quả các kỳ thi, cuộc thi, giao lưu không do Bộ GDĐT hoặc Sở GDĐT tổ chức để làm căn cứ đánh giá, xếp loại học sinh hay xét thi đua giáo viên.

Đa dạng hóa hình thức tổ chức, áp dụng mô hình dạy học kết hợp (blended learning) đảm bảo tỷ trọng nội dung Chương trình cấp Tiểu học triển khai trực tuyến tối thiểu 5%; THCS tối thiểu 10%.

Đẩy mạnh thiết kế các học liệu số, tích hợp các trò chơi giáo dục, công cụ tương tác trực tuyến (như Blooket, Padlet) nhằm nâng cao năng lực đọc hiểu văn bản thông tin, kích thích sự hứng thú và phát triển khả năng tự học của học sinh.

3. Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, Năng lực số, Trí tuệ nhân tạo (AI) và Ngoại ngữ

Triển khai giáo dục AI theo lộ trình (nội dung cốt lõi 12 tiết/lớp/năm học), kết hợp giáo dục kỹ năng sử dụng AI và mạng xã hội an toàn, có trách nhiệm, tôn trọng bản quyền.

Thực hiện giáo dục STEM tối thiểu 02 chủ đề/học kỳ đối với mỗi lớp Tiểu học, khai thác thường xuyên và hiệu quả phòng thực hành STEM gắn với bài học. Xây dựng các không gian trải nghiệm và dự án STEM bám sát môi trường biển đảo, tập trung vào việc thu gom, tái chế rác thải đại dương, rác thải nhựa và vỏ sò thành các sản phẩm hữu ích.

Thực hiện lộ trình đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai, tổ chức dạy tiếng Anh tự chọn cho khối 1, khối 2 (thời lượng 02 tiết/tuần), tạo môi trường giao tiếp thực hành qua các câu lạc bộ, góc thư viện.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, gắn kết đặc thù biển đảo

Tích hợp giảng dạy Tài liệu giáo dục địa phương với việc cập nhật chính xác thông tin hành chính hiện hành (sử dụng danh xưng "thành phố Quảng Ninh"), bồi dưỡng tình yêu quê hương và ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Thực hiện nghiêm túc môn Giáo dục thể chất, tổ chức kiểm tra thể lực học sinh hàng năm; lồng ghép mạnh mẽ giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng chống đuối nước, nhận diện nguy cơ và dạy bơi an toàn cho học sinh vùng đảo.

Tăng cường giáo dục quyền con người, bình đẳng giới, văn hóa ứng xử, phòng chống bạo lực học đường và tai nạn thương tích.

5. Bảo đảm công bằng giáo dục, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ học sinh

Xây dựng Kế hoạch giáo dục cá nhân cho 06 học sinh khuyết tật đang theo học tại trường (04 em cấp TH, 02 em cấp THCS); điều chỉnh mục tiêu, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá phù hợp với năng lực, dạng khuyết tật, tuyệt đối không tạo áp lực.

Rà soát, quản lý chặt chẽ sĩ số học sinh; thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và hải đảo để đảm bảo không em nào bị gián đoạn học tập.

6. Đổi mới quản trị, tối ưu hóa cơ sở vật chất và quản lý học liệu

Bảo đảm quản trị thống nhất, liên tục và thông suốt giữa điểm trường chính Hồng Vân và các phân hiệu/điểm trường (Đồng Tiến 1, Đồng Tiến 2); tăng cường sinh hoạt cụm chuyên môn, chia sẻ học liệu để tối ưu hóa nguồn lực.

Thực hiện công tác quản lý, tiếp nhận, cho mượn và tái sử dụng Sách giáo khoa miễn phí hiệu quả, tiết kiệm. Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ sữa uống tại trường đối với học sinh cấp Tiểu học (định mức 180ml sữa/học sinh/ngày) khoa học, an toàn thực phẩm và công khai, minh bạch.

7. Chuyển đổi số toàn diện và tinh gọn thủ tục hành chính

Triển khai đồng bộ Học bạ số cho 100% học sinh; thường xuyên chuẩn hóa, rà soát mã định danh để đảm bảo cơ sở dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, an toàn".

Tuyệt đối không yêu cầu giáo viên nộp đồng thời bản giấy và bản điện tử có cùng nội dung (trừ khi có quy định bắt buộc); không phát sinh các loại hồ sơ, sổ sách, kế hoạch ngoài quy định để giáo viên tập trung thời gian cho chuyên môn.

Cắt giảm các cuộc thi, hội thi, phong trào hình thức, gây áp lực; không giao chỉ tiêu ép buộc học sinh, giáo viên tham gia các hoạt động huy động kinh phí trái quy định.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành chung và chịu trách nhiệm toàn diện về mọi hoạt động giáo dục của nhà trường trước cơ quan quản lý cấp trên.

Trực tiếp chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và ban hành Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch thời gian năm học, và kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày.

Quản lý, phân công và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra, giám sát nội bộ, siết chặt kỷ cương, nề nếp và văn hóa học đường.

Chỉ đạo quyết liệt công tác chuyển đổi số, thực hiện học bạ số, chữ ký số và đảm bảo tính minh bạch, chính xác của cơ sở dữ liệu ngành; tuyệt đối không yêu cầu các loại hồ sơ, sổ sách ngoài quy định.

Trực tiếp kiểm soát việc sử dụng sách giáo khoa, học liệu, thiết bị dạy học và các khoản thu chi, tài trợ, đảm bảo đúng quy định, không lạm thu.

2. Phó Hiệu trưởng

Giúp việc cho Hiệu trưởng, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, chỉ đạo và điều hành các hoạt động chuyên môn của cấp Tiểu học và cấp THCS theo sự phân công.

Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch giáo dục của các Tổ chuyên môn; trực tiếp sắp xếp thời khóa biểu khoa học, linh hoạt, đảm bảo tiến độ và thời lượng cho cả buổi 1 và buổi 2.

Theo dõi, kiểm tra, đánh giá hồ sơ chuyên môn, Kế hoạch bài dạy của giáo viên; trực tiếp chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, triển khai giáo dục STEM/STEAM, Năng lực số và Trí tuệ nhân tạo (AI).

Chỉ đạo công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu, công tác ôn thi chuyển cấp lớp 9 và xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, đánh giá giáo viên và đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục thực chất.

3. Tổ trưởng chuyên môn

Tổ chức xây dựng dự thảo Kế hoạch dạy học các môn học và Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Hướng dẫn, kiểm tra và ký duyệt Kế hoạch bài dạy của giáo viên trong tổ trước khi lên lớp. Duy trì nền nếp sinh hoạt tổ chuyên môn (ít nhất 2 tuần/lần) và sinh hoạt cụm chuyên môn; tập trung nghiên cứu bài học, tháo gỡ khó khăn về nội dung mới (AI, Năng lực số, tích hợp).

Theo dõi sát sao kết quả học tập của học sinh ở các bộ môn thuộc tổ quản lý; chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, quy chế kiểm tra đánh giá, không chạy theo thành tích.

Tham mưu cho Ban lãnh đạo về việc bố trí giáo viên dạy thay, dạy bù và đề xuất bổ sung thiết bị, học liệu, vật tư thực hành STEM.

4. Tổng phụ trách Đội /Bí thư Đoàn trường

Xây dựng và chịu trách nhiệm tổ chức các Hoạt động trải nghiệm quy mô toàn trường và các phong trào thi đua của Đội/Đoàn. Chủ trì thiết kế các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, sân chơi bám sát đặc thù biển đảo (ngày hội tái chế bảo vệ môi trường biển, giáo dục truyền thống địa phương).

Phối hợp chặt chẽ với Giáo viên chủ nhiệm, Y tế trường học tổ chức tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống, an toàn giao thông, văn hóa ứng xử trên không gian mạng và phòng, chống tai nạn đuối nước.

Thực hiện quản lý, đôn đốc nền nếp, kỷ luật của học sinh toàn trường; kịp thời nắm bắt tư tưởng, tâm lý học sinh để có biện pháp giáo dục, hỗ trợ phù hợp.

5. Giáo viên chủ nhiệm

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp, kế hoạch Hoạt động trải nghiệm. Nắm vững hoàn cảnh gia đình, đặc điểm tâm sinh lý, năng lực học tập của từng học sinh; đặc biệt quan tâm, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật và học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

Quản lý, theo dõi chuyên cần; chịu trách nhiệm đánh giá, xếp loại kết quả rèn luyện và học tập của học sinh lớp chủ nhiệm một cách khách quan, công bằng.

Là cầu nối giữa nhà trường và gia đình; cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu học sinh vào cơ sở dữ liệu ngành và thực hiện hoàn thiện Học bạ số đúng tiến độ.

6. Giáo viên phụ trách môn học

Căn cứ Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn để xây dựng Kế hoạch bài dạy (giáo án) đảm bảo yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT, linh hoạt vận dụng các công cụ công nghệ số, AI vào giảng dạy.

Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ vì sự tiến bộ của học sinh; tuyệt đối không tạo áp lực, không đánh giá sai lệch năng lực thực chất của học sinh.

Thực hiện việc tích hợp, lồng ghép Nội dung giáo dục địa phương, giáo dục quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường, năng lực số vào bài giảng theo đúng quy định.

Tham gia tích cực công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh còn hạn chế và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh hòa nhập (nếu có).

7. Nhân viên

Nhân viên Y tế: Chịu trách nhiệm trực tiếp công tác y tế trường học, sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe ban đầu; tham mưu tổ chức diễn tập phòng chống đuối nước; kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm, nước uống và việc thực hiện chương trình Sữa học đường.

Nhân viên Thư viện, Thiết bị: Tổ chức quản lý, cho mượn và bảo quản hệ thống SGK miễn phí; phát triển thư viện số, không gian đọc sáng tạo; thường xuyên chuẩn bị sẵn sàng thiết bị, dụng cụ phòng thực hành STEM, phòng học bộ môn phục vụ giáo viên và học sinh.

Nhân viên Kế toán, Văn thư: Quản lý tài chính, tham mưu thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách cho học sinh (nhất là chính sách vùng hải đảo, chính sách khuyết tật); cập nhật hồ sơ hành chính, quản lý phần mềm dữ liệu số và hỗ trợ công tác phát hành, lưu trữ Học bạ số, văn bằng số an toàn, bảo mật.

Bảo vệ: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho người và tài sản trong khuôn viên nhà trường 24/24; phối hợp kiểm soát người la ra vào trường.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026-2027 của trường TH&THCS Đồng Tiến. Yêu cầu các CB, GV, NV trong nhà trường nghiêm túc thực hiện và cụ thể hóa bằng kế hoạch theo nhiệm vụ được phân công. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc trao đổi trực tiếp với Lãnh đạo nhà trường để hướng dẫn, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhân:

- Sở GD&ĐT (báo cáo) ;
- Phòng VH - XH đặc khu (báo cáo);
- CB, GV, NV nhà trường (Thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Bình